

Số: 1548/TTr-UBND

Cao Bằng, ngày 21 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

Điều chỉnh nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện Thông báo số 178/TB-HĐND ngày 07/5/2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh thông báo thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho Kỳ họp thứ 19 (Kỳ họp thường lệ giữa năm 2024) HĐND tỉnh Cao Bằng khoá XVII, nhiệm kỳ 2021-2026. Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Trong quá trình triển khai thực hiện, kinh phí đã giao cho một số cơ quan, đơn vị năm 2022, năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 phân bổ cho dự án nhưng không thực hiện được, bởi một số nguyên nhân như sau:

(1) Một số dự án được phân vốn theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn tại các Nghị quyết HĐND tỉnh (Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 27/4/2023), tuy nhiên thực hiện thực tế lại không có đối tượng thực hiện;

(2) Một số dự án, tiểu dự án, nội dung thiếu cơ chế thực hiện của Trung ương cần chuyển sang các dự án, tiểu dự án, nội dung đã có đầy đủ hướng dẫn thực hiện, bảo đảm tiến độ giải ngân vốn;

(3) Năm 2024 Quốc Hội ban hành Nghị quyết 111/2024/QH15 về một số cơ chế chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

Do vậy, việc rà soát điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2022, năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 là cần thiết để đảm bảo thực hiện được theo thực tế và đảm bảo khả năng giải ngân vốn của Chương trình.

2. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 8 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;
- Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;
- Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;
- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, ngày 24/6/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;
- Quyết định số 1506/QĐ-TTg, ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2023;
- Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc phân bổ vốn nguồn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;
- Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 ngày 5 tháng 2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân

tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022;

- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022;

- Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của HĐND tỉnh quy định về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 -2025.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích xây dựng Nghị quyết

Điều chỉnh nguồn vốn của một số nội dung, hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024; Đảm bảo sau khi điều chỉnh, các dự án có thể thực hiện và giải ngân hết kế hoạch vốn được giao, qua đó góp phần thực hiện mục tiêu và phát huy tối đa hiệu quả của Chương trình nhằm phục vụ cho đời sống của người dân và quá trình phát triển kinh tế-xã hội...

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết điều chỉnh nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 được thường trực HĐND tỉnh cho chủ trương thực hiện theo quy trình Nghị quyết cá biệt tại Thông báo số 178/TB-HĐND ngày 07/5/2024.

UBND tỉnh đã giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Dự thảo Nghị quyết. Dự thảo Nghị quyết sau khi xây dựng xong đã được cơ quan chủ trì (Sở Kế hoạch và Đầu tư) xin ý kiến đóng góp; đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo ý kiến của các đồng chí

lãnh đạo UBND tỉnh và các đồng chí Ủy viên UBND tỉnh; ý kiến góp ý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng, các sở; ban; ngành; UBND các huyện, thành phố

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Dự thảo Nghị quyết gồm 03 điều

- Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung tại các Nghị quyết giao vốn năm 2022, 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022, 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Điều chỉnh vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia:

2.1.1. Điều chỉnh vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi:

a) Điều chỉnh vốn năm 2022:

- Vốn đầu tư: Điều chỉnh nội bộ giữa các dự án của huyện Thạch An.

- Vốn sự nghiệp:

+ Điều chỉnh giảm vốn của Sở Công thương, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, huyện Thạch An, huyện Bảo Lạc với tổng là 21.166,77 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho huyện Trùng Khánh và huyện Hà Quảng.

+ Điều chỉnh giảm vốn của huyện Quảng Hòa, với tổng là: 32,67 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho huyện Hà Quảng: 32,67 triệu đồng.

+ Điều chỉnh nội bộ giữa các dự án của các huyện Hòa An, Trùng Khánh, thành phố Cao Bằng, Nguyên Bình, Hạ Lang.

b) Điều chỉnh vốn năm 2023:

- Vốn đầu tư:

+ Điều chỉnh giảm vốn của Sở Thông tin và Truyền thông, huyện Thạch An, huyện Quảng Hòa, Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng, với tổng là: 2.844,734 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho huyện Trùng Khánh 1.421,864 triệu đồng và huyện Hà Quảng 1.422,87 triệu đồng

+ Điều chỉnh nội bộ giữa các dự án của các huyện Bảo Lạc, Hà Quảng, Hòa An.

- Vốn sự nghiệp:

+ Điều chỉnh giảm vốn của Sở Công thương, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Sở Kế hoạch và Đầu tư, huyện Hạ Lang, huyện Bảo Lạc, huyện Thạch An với tổng là: 41.823,871 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho huyện Trùng Khánh 20.913,3 triệu đồng và huyện Hà Quảng 20.910,571 triệu đồng

+ Điều chỉnh nội bộ giữa các dự án của Ban Dân tộc và các huyện Bảo Lâm, Nguyên Bình, Hà Quảng, Hoà An, Trùng Khánh, Hạ Lang, thành phố Cao Bằng.

2.1.2. Điều chỉnh vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

a) Điều chỉnh vốn năm 2022

- Vốn sự nghiệp:

+ Điều chỉnh giảm vốn 488,338 triệu đồng của thành phố Cao Bằng để bổ sung tăng cho huyện Hà Quảng: 488,338 triệu đồng.

+ Điều chỉnh vốn giữa các dự án, tiểu dự án của các huyện Bảo Lâm, Hạ Lang, Hà Quảng, Thạch An, Hòa An, thành phố Cao Bằng.

b) Điều chỉnh vốn năm 2023:

- Vốn đầu tư: Điều chỉnh giảm vốn 10.150,37 triệu đồng của Trường trung cấp nghề để bổ sung tăng cho: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 618,67 triệu đồng và huyện Bảo Lâm 9.531,7 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp:

+ Điều chỉnh giảm vốn: Trường Trung cấp nghề, Sở Xây dựng, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Thành phố Cao Bằng với tổng là: 14.204,94 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho: Sở Lao động thương binh và xã hội là 426,67 triệu đồng, huyện Bảo Lâm là 10.831,7 triệu đồng, huyện Hạ Lang là 1.897 triệu đồng, huyện Hà Quảng 1.049,57 triệu đồng.

+ Điều chỉnh vốn giữa các dự án, tiểu dự án của các huyện: Bảo Lâm, Hạ Lang, Hà Quảng, Thạch An, Nguyên Bình, Trùng Khánh, Quảng Hòa, Hòa An, thành phố Cao Bằng”.

c) Bổ sung vốn và danh mục dự án:

- Giảm vốn 02 danh mục: (1) Nâng cấp, xây dựng mới Trường Trung cấp nghề tỉnh Cao Bằng là 10.150,37 triệu đồng; (2) Dự án Đầu tư xây dựng Sàn giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến), kết nối Cung cầu lao động là 298,0744 triệu đồng.

- Bổ sung vốn cho 01 dự án: Đầu tư xây dựng Sàn giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến); kết nối Cung cầu lao động (giai đoạn 2).

- Bổ sung danh mục 01 Dự án “Nâng cấp phần mềm quản lý lao động, việc làm, thị trường lao động” của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.1.3. Điều chỉnh vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới:

a) Điều chỉnh, bổ sung vốn năm 2022:

- Vốn đầu tư:

+ Điều chỉnh giảm vốn các dự án không chi hết tại các xã của huyện Quảng Hòa là 559,676 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho xã Nam Tuấn huyện Hòa An.

+ Điều chỉnh nội bộ vốn tại huyện Bảo Lâm, giảm vốn các dự án không chi hết tại các xã khác để tăng vốn cho xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm thực hiện công trình.

+ Điều chỉnh, bổ sung vốn và danh mục dự án năm 2022 của huyện Hòa An và huyện Bảo Lâm.

- Vốn sự nghiệp: Điều chỉnh tăng, giảm vốn giữa các nội dung thực hiện của huyện Bảo Lạc.

b) Điều chỉnh vốn năm 2023:

Vốn sự nghiệp: Điều chỉnh tăng, giảm nội bộ vốn giữa các nội dung thực hiện của huyện Hòa An, Trùng Khánh, Quảng Hòa.

2. Các nội dung khác không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2022; Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 02/11/2022; Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27/4/2023; Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 25/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Hồ sơ gửi kèm theo tờ trình này: (1) Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 và các Phụ lục 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 kèm theo; (2) Bảng tổng hợp ý kiến đóng góp đối với Dự thảo Nghị quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 1443/SKHĐT-KTN ngày 13/6/2024).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, NN&PTNT, LĐ-TB&XH;
- Ban Dân tộc;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CV: TH, KT, VX;
- Lưu: VT, TH (ĐT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng 7 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 8 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, ngày 24/6/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg, ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 -2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về Nghị quyết Điều chỉnh nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại các Nghị quyết giao vốn năm 2022, 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022, 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, như sau:

1. Điều chỉnh vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia:

1.1. Điều chỉnh vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi:

a) *Điều chỉnh vốn năm 2022:*

- Vốn đầu tư: Điều chỉnh nội bộ giữa các dự án của huyện Thạch An.

- Vốn sự nghiệp:

+ Điều chỉnh giảm vốn của Sở Công thương, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, huyện Thạch An, huyện Bảo Lạc với tổng là 21.166,77 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho huyện Trùng Khánh và huyện Hà Quảng.

+ Điều chỉnh giảm vốn của huyện Quảng Hòa, với tổng là: 32,67 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho huyện Hà Quảng: 32,67 triệu đồng.

+ Điều chỉnh nội bộ giữa các dự án của các huyện Hòa An, Trùng Khánh, thành phố Cao Bằng, Nguyên Bình, Hạ Lang.

(Chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo)

b) *Điều chỉnh vốn năm 2023:*

- Vốn đầu tư:

+ Điều chỉnh giảm vốn của Sở Thông tin và Truyền thông, huyện Thạch An, huyện Quảng Hòa, Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng, với tổng là: 2.844,734 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho huyện Trùng Khánh 1.421,864 triệu đồng và huyện Hà Quảng 1.422,87 triệu đồng

+ Điều chỉnh nội bộ giữa các dự án của các huyện Bảo Lạc, Hà Quảng, Hòa An.

(Chi tiết như phụ lục 02 kèm theo)

- Vốn sự nghiệp:

+ Điều chỉnh giảm vốn của Sở Công thương, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Sở Kế hoạch và Đầu tư, huyện Hạ Lang, huyện Bảo Lạc, huyện Thạch An với tổng là: 41.823,871 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho huyện Trùng Khánh 20.913,3 triệu đồng và huyện Hà Quảng 20.910,571 triệu đồng

+ Điều chỉnh nội bộ giữa các dự án của Ban Dân tộc và các huyện Bảo Lâm, Nguyên Bình, Hà Quảng, Hoà An, Trùng Khánh, Hạ Lang, thành phố Cao Bằng.

(Chi tiết như phụ lục 03 kèm theo)

1.2. Điều chỉnh vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

a) *Điều chỉnh vốn năm 2022*

- Vốn sự nghiệp:

+ Điều chỉnh giảm vốn 488,338 triệu đồng của thành phố Cao Bằng để bổ sung tăng cho huyện Hà Quảng: 488,338 triệu đồng.

+ Điều chỉnh vốn giữa các dự án, tiểu dự án của các huyện Bảo Lâm, Hạ Lang, Hà Quảng, Thạch An, Hòa An, thành phố Cao Bằng.

(Chi tiết như phụ lục 04 kèm theo)

b) Điều chỉnh vốn năm 2023:

- Vốn đầu tư: Điều chỉnh giảm vốn 10.150,37 triệu đồng của Trường trung cấp nghề để bổ sung tăng cho: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 618,67 triệu đồng và huyện Bảo Lâm 9.531,7 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp:

+ Điều chỉnh giảm vốn: Trường Trung cấp nghề, Sở Xây dựng, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Thành phố Cao Bằng với tổng là: 14.204,94 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho: Sở Lao động thương binh và xã hội là 426,67 triệu đồng, huyện Bảo Lâm là 10.831,7 triệu đồng, huyện Hạ Lang là 1.897 triệu đồng, huyện Hà Quảng 1.049,57 triệu đồng.

+ Điều chỉnh vốn giữa các dự án, tiểu dự án của các huyện: Bảo Lâm, Hạ Lang, Hà Quảng, Thạch An, Nguyên Bình, Trùng Khánh, Quảng Hòa, Hòa An, thành phố Cao Bằng”.

(Chi tiết như Phụ lục 05 kèm theo)

c) Điều chỉnh, bổ sung vốn và danh mục dự án:

- Giảm vốn 02 danh mục: (1) Nâng cấp, xây dựng mới Trường Trung cấp nghề tỉnh Cao Bằng là 10.150,37 triệu đồng; (2) Dự án Đầu tư xây dựng Sàn giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến), kết nối Cung cầu lao động là 298,0744 triệu đồng.

- Bổ sung vốn cho 01 dự án: Đầu tư xây dựng Sàn giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến); kết nối Cung cầu lao động (giai đoạn 2).

- Bổ sung danh mục 01 Dự án “Nâng cấp phần mềm quản lý lao động, việc làm, thị trường lao động” của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

(Chi tiết tại Phụ lục 09 kèm theo)

1.3. Điều chỉnh vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới:

a) Điều chỉnh, bổ sung vốn năm 2022:

- Vốn đầu tư:

+ Điều chỉnh giảm vốn các dự án không chi hết tại các xã của huyện Quảng Hòa là 559,676 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho xã Nam Tuấn huyện Hòa An.

+ Điều chỉnh nội bộ vốn tại huyện Bảo Lâm, giảm vốn các dự án không chi hết tại các xã khác để tăng vốn cho xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm thực hiện công trình.

(Chi tiết như phụ lục 06 kèm theo)

+ Điều chỉnh, bổ sung vốn và danh mục dự án năm 2022 của huyện Hòa An và huyện Bảo Lâm.

(Chi tiết tại Phụ lục 09 kèm theo)

- Vốn sự nghiệp: Điều chỉnh tăng, giảm vốn giữa các nội dung thực hiện của huyện Bảo Lạc.

(Chi tiết như phụ lục 07 kèm theo)

b) Điều chỉnh vốn năm 2023

Vốn sự nghiệp: Điều chỉnh tăng, giảm nội bộ vốn giữa các nội dung thực hiện của huyện Hòa An, Trùng Khánh, Quảng Hòa.

(Chi tiết tại phụ lục 08 kèm theo)

2. Các nội dung khác không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2022; Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 02/11/2022; Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27/4/2023; Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 25/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và xã hội;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy Ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ Đại biểu, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

Phụ lục 4

ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên huyện	Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022									Điều chỉnh		Sau điều chỉnh							Ghi chú				
		Tổng vốn sự nghiệp	Dự án 2 (SN)	Dự án 3, Tiểu dự án 1 (SN)	Dự án 4			Dự án 6		Dự án 7		Giảm	Tăng	Tổng vốn sự nghiệp	Dự án 2 (SN)	Dự án 3, Tiểu dự án 1 (SN)	Dự án 4				Dự án 6		Dự án 7	
					TDA1 (SN)	TDA2 (SN)	TDA3 (SN)	TDA1 (SN)	TDA2 (SN)	TDA1 (SN)	TDA2 (SN)						TDA1 (SN)	TDA2 (SN)	TDA3 (SN)		TDA1 (SN)	TDA2 (SN)	TDA1 (SN)	TDA2 (SN)
A	B	1	2	3	4	5							6	7	8	9	10						11	
I	UBND các huyện, thành phố																							
1	Bão Lâm	3.289		1.463	223								3.774,081		1.070,535	130,384								
3	Hà Lang		1.067		154	162								1.142,714		118,300	121,986							
4	Hà Quảng	12.966	4.855	2.100	1.607	329					488,338	13.454,338	5.799,060	2.588,338	831,350	160,590								
5	Thạch An		2.752		1.253	176							3.015,186		1.095,174	70,640								
6	Hòa An		1.986		1.138								2.499,964		624,036									
7	Thành phố Cao Bằng	3.087		557	564		269	25		33	488,338	2.598,662		550,192	306,744				48,946	22,780			31,000	

Phụ lục 6
TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NSTW
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện/Xã	Số tiêu chí đã đạt năm 2021	Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2022			Điều chỉnh		Sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng	Vốn thực hiện theo cơ chế giai đoạn 2016-2020	Vốn thực hiện theo cơ chế thực hiện 2022-2025	Giảm	Tăng	Tổng	Vốn thực hiện theo cơ chế giai đoạn 2016-2020	Vốn thực hiện theo cơ chế thực hiện 2022-2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Huyện Quảng Hòa		29.025	22.285	6.740	559,676	0,000	28.465,324	21.725,324	5.600,000	
A	Đầu tư cấp huyện		5.600		5.600			5.600,000		5.600,000	
B	Đầu tư cấp xã		23.425	22.285	1.140	559,676		22.865,324	21.725,324		
1	Đại Sơn	19	1.120	820	300	0,151		1.119,849	819,849	300,000	
2	Quảng Hưng	16	1.053	1.053		30,101		1.022,899	1.022,899		
3	Phúc Sen	17	1.053	1.053		43,293		1.009,707	1.009,707		
4	Độc Lập	15	1.893	1.053	840	37,066		1.855,934	1.015,934	840,000	
5	Mỹ Hưng	15	1.053	1.053		30,737		1.022,263	1.022,263		
6	Bế Văn Đàn	15	1.053	1.053		52,590		1.000,410	1.000,410		
7	Quốc Toàn	12	1.620	1.620		54,528		1.565,472	1.565,472		
8	Cách Linh	14	1.620	1.620		25,121		1.594,879	1.594,879		
9	Ngọc Động	14	1.620	1.620		16,909		1.603,091	1.603,091		
10	Chí Tháo	11	1.620	1.620		25,125		1.594,875	1.594,875		
11	Hạnh Phúc	11	1.620	1.620		88,709		1.531,291	1.531,291		
12	Hồng Quang	11	1.620	1.620		28,025		1.591,975	1.591,975		
13	Tiên Thành	13	1.620	1.620		30,087		1.589,913	1.589,913		
14	Tự Do	13	1.620	1.620		22,990		1.597,010	1.597,010		
15	Phi Hải	10	1.620	1.620		46,610		1.573,390	1.573,390		
16	Cai Bộ	10	1.620	1.620		27,634		1.592,366	1.592,366		
II	Huyện Hòa An		6.720	820	5.900	0,000	559,676	7.279,676	1.379,676	5.900,000	
A	Đầu tư cấp huyện		5.600		5.600			5.600,000		5.600,000	

STT	Huyện/Xã	Số tiêu chí đã đạt năm 2021	Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2022			Điều chỉnh		Sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng	Vốn thực hiện theo cơ chế giai đoạn 2016-2020	Vốn thực hiện theo cơ chế thực hiện 2022-2025	Giảm	Tăng	Tổng	Vốn thực hiện theo cơ chế giai đoạn 2016-2020	Vốn thực hiện theo cơ chế thực hiện 2022-2025	
B	Đầu tư cấp xã		1.120	820	300	0,000	559,676	1.679,676	1.379,676	300,000	
1	Nam Tuấn	19	1.120	820	300		559,676	1.679,676	1.379,676	300,000	
III	Huyện Bảo Lâm					387,512	387,512				
A	Đầu tư cấp xã		19.440	19.440	0	387,512	387,512	19.440,000	19.440,000		
1	Lý Bôn	11	1.620	1.620		15,662		1.604,338	1.604,338		
2	Quảng Lâm	10	1.620	1.620			387,512	2.007,512	2.007,512		
3	Đức Hạnh	9	1.620	1.620		41,424		1.578,576	1.578,576		
4	Vĩnh Quang	10	1.620	1.620		32,184		1.587,816	1.587,816		
5	Vĩnh Phong	11	1.620	1.620		51,636		1.568,364	1.568,364		
6	Mông Ân	9	1.620	1.620		21,734		1.598,266	1.598,266		
7	Nam Quang	11	1.620	1.620		35,116		1.584,884	1.584,884		
8	Nam Cao	8	1.620	1.620		49,588		1.570,412	1.570,412		
9	Thạch Lâm	9	1.620	1.620		0,151		1.619,849	1.619,849		
10	Thái Học	12	1.620	1.620		51,636		1.568,364	1.568,364		
11	Thái Sơn	10	1.620	1.620		51,636		1.568,364	1.568,364		
12	Yên Thổ	14	1.620	1.620		36,745		1.583,255	1.583,255		

Phụ lục 7

ĐIỀU CHỈNH VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị được giao chỉ tiêu kế hoạch	Đã giao Nghị quyết 29/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022		Sau điều chỉnh		Ghi chú
		Quản lý chương trình	Duy tu bảo dưỡng, vận hành các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã	Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát cộng đồng (Quản lý chương trình)	Duy tu bảo dưỡng, vận hành các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã	
A	B	1	2	3	4	5
I	UBND các huyện, thành phố					
1	Huyện Bảo Lạc	50	20	70	0	

Phụ lục 8

DỰ KIẾN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị được giao chỉ tiêu kế hoạch	Đã giao tại Nghị quyết 29/NQ-HĐND				Sau điều chỉnh				Ghi chú	
		Phân bổ chung theo quy định		Phân bổ thực hiện 06 Chương trình chuyên đề		Phân bổ chung theo quy định		Phân bổ thực hiện 06 Chương trình chuyên đề			
		Hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp	Hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại	Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh	Hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp	Hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại	Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh		
A	B	1	2	3	4	7	8	9	10	11	
I	UBND các huyện, thành phố										
1	Huyện Hòa An	200		175	600	350,000		245,521	379,479		
2	Huyện Trùng Khánh	200	200	140	600	400,000	0,000	140,000	600,000		
3	Huyện Quảng Hòa	200	200			400,000	0,000				

Phụ lục 09
ĐIỀU CHỈNH GIAO CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian KC HT	Quyết định đầu tư (Số quyết định; ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư					Vốn đã giao năm 2022, 2023					Để xuất điều chỉnh		Sau điều chỉnh					Ghi chú						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Đối ứng NSDP		Huy động khác và nhân dân	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Đối ứng NSDP		Huy động khác và nhân dân	Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Đối ứng NSDP		Huy động khác và nhân dân							
								NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện						NS tỉnh	NS huyện								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÀM NGHEO BỀN VÙNG NĂM 2023 (Nghị quyết số 80/NQ-HĐND tỉnh ngày 09/12/2022 và 14/NQ-HĐND tỉnh ngày 27/4/2023)																				916.744	10.448.444							
1	Dự án 4 Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững																												
1	<i>Tiểu dự án 1 Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>																				0,0	10.150,370	7.935,630	7.935,630					
	Nâng cấp, xây dựng mới Trường Trung cấp nghề tỉnh Cao Bằng	Trụ sở chính Tổ 1, phường Sáng Hiến và cơ sở 2 Thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An	Theo quyết định phê duyệt	2022-2025	1906/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	77.506,000	77.506,000																					Để thực hiện hoàn thành dự án Đầu tư xây dựng Sân giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến); kết nối cung cầu lao động (giai đoạn 2) trong năm 2024, không để xảy ra nợ đọng thời	
2	<i>Tiểu dự án 3 Hỗ trợ việc làm</i>																												
u)	<i>Dự án chuyên tiếp</i>																												
	Dự án Đầu tư xây dựng Sân giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến); kết nối Cung cầu lao động	Trung tâm dịch vụ việc làm và các văn phòng đại diện tại huyện Quảng Hòa và huyện Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng	Theo quyết định phê duyệt	2022-2024	1916/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	2.193,000	2.193,000																					Dự án hỗ trợ nhiệm vụ chỉ đạo điều chỉnh trong dự án Đầu tư xây dựng Sân giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến); kết nối cung cầu lao động (giai đoạn 2)	
	Dự án Đầu tư xây dựng Sân giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến); kết nối Cung cầu lao động (giai đoạn 2)	Trung tâm dịch vụ việc làm và các văn phòng đại diện tại huyện Quảng Hòa và huyện Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng	Mô hình việc 09 tầng, nhà kính vệ 02 tầng, nhà hóa vệ 02 nhà, các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, thiết bị	2023-2025	1427/QĐ-UBND; ngày 27/10/2023	8.300,000	8.300,000																						
h)	<i>Chiều bù đầu tư</i>																												
	Dự án "Nâng cấp phần mềm quản lý lao động, việc làm, thị trường lao động"																												Bổ sung danh mục
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022 (Điều chỉnh 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2022, Nghị quyết 72/NQ-HĐND ngày 02/11/2022)																												
1	Đầu tư huyện nông thôn mới Huyện Hoà An																												
1	Công trình xử lý ô nhiễm trong hoạt động sản xuất, chế biến tinh bột năng xã Nguyễn Huệ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Xã Nguyễn Huệ, huyện Hòa An	Theo quyết định phê duyệt	2022-2024	3447/QĐ-UBND, ngày 26/8/2022	4.109,400	2.876,580	821,880	205,470	204,470	2.173,090	2.173,090																	Không thực hiện do trùng dự án của Sở Khoa học công nghệ
2	Cấp nước sạch tập trung xóm Nà Tông, Nà Mè thị trấn Nước Hai - Đé Đông, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Xã Hồng Việt, huyện Hòa An	Xây dựng 01 hệ thống cấp nước sạch	2024-2025	3428/QĐ-UBND, ngày 30/10/2024	4.000,000	3.408,000	358,000	243,000	80,000	0																		Bổ sung danh mục đầu tư
3	Cải tạo nâng cấp đường GTNT từ UBND xã Nam Tuấn - chợ Hàng Hào xã Nam Tuấn, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng	Xã Nam Tuấn, huyện Hoà An																											Bổ sung danh mục đầu tư
	Huyện Bảo Lâm																												
1	Công trình mặt đường bê tông xi măng tuyến Nà Kiêng - Phường Phai xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Xã Quảng Lâm	Bê tông hóa mặt đường	2024		387,512	387,512																						Bổ sung danh mục đầu tư